

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/LĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm tai nạn lao động
- bệnh nghề nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-LĐ ngày 10-01-2019 về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST-LĐ ngày 15-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tài T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30-7-2018); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty V; trụ sở: Lô C, khu công nghiệp Q, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi; trụ sở: Số D, đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành V, chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ - Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: số E, đường B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1545/UQ-BHXXH ngày 23-10-2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tài T (do bà Đinh Thị Thanh T đại diện) trình bày:*

Ông T làm việc tại Công ty V từ ngày 01-11-2011 đến ngày 01-5-2016 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Kể từ tháng 12-2013 đến nay, Công ty V không đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông mặc dù hàng tháng Công ty V đều trừ 10,5% theo lương của ông (phần mà người lao động phải đóng theo quy định của pháp luật) và nợ tiền ốm đau, chế độ nghỉ việc, chế độ thất nghiệp của ông (do Công ty không đóng bảo hiểm các loại). Sau đó, Công ty V đã đóng được một số khoản như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tính đến 31-10-2019, Công ty V chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông với số tiền 18.571.154 đồng và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm là 10.877.672 đồng.

Ban đầu khi khởi kiện, do nhầm lẫn nên trong đơn ghi yêu cầu Công ty V đóng các khoản gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; thực tế, tại thời điểm khởi kiện (ngày 19-12-2018) Công ty V chỉ còn nợ 02 khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông là 18.571.154 đồng và tiền lãi chậm đóng là 10.877.672 đồng.

** Bị đơn Công ty V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại bản tự khai ngày 14-3-2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Thành V trình bày:*

Kể từ tháng 12-2013 đến tháng 4-2016, Công ty V không đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông T. Đến cuối năm 2018, Công ty V đã đóng các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, Công ty V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông T là 18.571.154 đồng và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm là 10.877.672 đồng được tính đến hết tháng 10-2019, tổng cộng là 29.448.826 đồng; kể từ tháng 11-2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông T là 18.571.154 đồng và tiền lãi chậm đóng được tính đến hết tháng 10-2019 là 10.877.672 đồng; kể từ tháng 11-2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội; buộc Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty V ủy quyền cho ông Trần Văn P tham gia tố tụng. Tại Điều 47 của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty V năm 2013 quy định: “Chủ tịch HĐQT là người đại diện Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc điều hành trong giai đoạn tranh tụng”. Tuy nhiên, ông P không phải là giám đốc điều hành

của Công ty V. Do đó, việc ủy quyền nêu trên không phù hợp với Điều lệ của Công ty V nên không được chấp nhận.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty V vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày do nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện ghi yêu cầu Công ty V đóng các khoản gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; thực tế, tại thời điểm khởi kiện (ngày 20-12-2018) Công ty V chỉ còn nợ 02 khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ (đơn khởi kiện, xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi) và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của đại diện nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp”.

[1.4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty V đóng số tiền gốc bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông T là 18.571.154 đồng (so với 18.902.400 đồng theo đơn khởi kiện ban đầu). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho Công ty V nhưng Công ty V không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự việc mà ông T trình bày. Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2.2] Theo các Hợp đồng lao động ngày 28-4-2012, ngày 29-4-2013 giữa Công ty V và ông Nguyễn Tài T, Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 01-5-2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Tài T thể hiện ông T là công nhân, sau đó là Tổ trưởng tổ dệt tròn Nhà máy Sản xuất bao bì V, thuộc Công ty V; ngày 28-4-2016, ông T có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và được Công ty V đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01-5-2016; tại Điều 3 của Quyết định nêu trên đã xác nhận ông T có thời gian làm việc tại Công ty V từ tháng 5-2012.

[2.3] Theo Bảng xác nhận lập ngày 25-10-2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi cung cấp cho Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty V đã khai đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi số sổ 5112004648 giai đoạn từ tháng 12-2013 đến tháng 04-2016 là 18.571.154 đồng và đã trích thu nhập hàng tháng của ông T nhưng không đóng các loại bảo hiểm cho ông T là không đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 1 Điều 14, các Điều 18, 134 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 nên việc ông T khởi kiện yêu cầu Công ty V phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc nêu trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm từ tháng 12-2013 đến tháng 10-2019 và lãi phát sinh từ tháng 11-2019 cho đến khi Công ty V đóng xong khoản tiền bảo hiểm cho ông T: Căn cứ vào khoản 3 Điều 138 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03-02-2016 của Bộ Tài chính và công văn số 1379/BHXXH-BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm phải được tính lãi suất. Do Công ty V chậm đóng các loại bảo hiểm cho ông T nên Công ty V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến hết tháng 10-2019 và tiếp tục tính lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh kể từ tháng 11-2019 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

[2.5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp lao động với số tiền là 883.464 đồng (29.448.826 đồng x 3%) theo quy định tại Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 18, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; các Điều 6, 47, 186, 201 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Công ty V có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Nguyễn Tài T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi là 18.571.154 đồng (mười tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng); đóng lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tính đến hết tháng 10-2019 là 10.877.672 đồng (mười triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng), tổng cộng 29.448.826 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

2. Kể từ tháng 11-2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội cho đến khi đóng xong.

3. Công ty V phải chịu 883.464 đồng (tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

